TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST Ngày 16-01-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan

Bà Lưu Thị Chi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn Đông Phan, xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn K, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T xây dựng hạnh phúc với anh Nguyễn Văn K do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 6 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không thống nhất với nhau về làm kinh tế, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm vì anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chung sống với nhau như vợ chồng có 01 con riêng. Năm 2022 anh K vi phạm pháp luật bị Tòa án xử phạt tù giam, hiện anh K đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là Nguyễn Hồng P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2009 và Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K có lời khai thể hiện: Anh nhất trí với lời khai của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ở và sống ly thân với anh, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh, anh K đồng ý. Do hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải phòng nên không thể có mặt tại tòa án, anh đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh. Về con chung: Anh K nhất trí vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hồng P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2009 và Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011. Ly hôn anh K nhất trí chị T nuôi 02 con và anh không có điều kiện cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Giao con Nguyễn Hồng P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2009 và Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011 cho chị T nuôi dưỡng, tạm hoãn việc anh K cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung: Chị T

và anh K không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn K. Anh K có đăng ký hộ khẩu tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện anh K đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn K đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 6 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, anh K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có 01 con riêng, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Năm 2022, anh K vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Chị T xin ly hôn, anh K có lời khai đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh K là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là Nguyễn Hồng P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2009 và Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con. Xét hiện nay chị T hiện có công việc, có thu nhập và có nơi ở cùng với bố mẹ chị đảm bảo điều kiện nuôi các con. Cháu P và cháu H đều có đơn đề nghị được ở với chị T. Hội đồng xét xử giao con Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hoàng Minh H cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng là phù hợp. Anh K hiện đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi các con.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Hồng P, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2009 và Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001402 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn